TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HS-PT
Ngày: 26 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*

Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 57/2023/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn K, Vũ Đức H, Vũ Hồng P, Nguyễn Vũ T, Nguyễn Văn D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2023/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Văn K; sinh năm 1996; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K; sinh năm 1966 và con bà: Đặng Thị N; sinh năm 1964; hiện trú tại: Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vợ, con: Chưa có; T án, T sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2022 đến nay. (Có mặt).

2. Vũ Đức H; sinh năm 2000; nơi sinh: Xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 23, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Vũ Văn M; sinh năm 1959 và con bà: Vương Thị T; sinh năm 1963; hiện trú tại: Xóm 23, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vợ: Nguyễn Thị S; sinh năm 2000; có một con sinh năm 2023; hiện trú tại: Xóm 23, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; T án: Không; T sự: Ngày 16/10/2020, bị Công an huyện Hải Hậu

xử phạt hành chính với hình thức phạt T về hành vi "xâm hại sức khỏe của người khác". Ngày 05/8/2021, bị Công an xã Hải Phương xử phạt hành chính với hình thức phạt T về hành vi "đánh nhau". Ngày 01/7/2022, bị Công an huyện Hải Hậu xử phạt hành chính với hình thức phạt T về hành vi "xâm hại sức khỏe của người khác". Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2022 đến ngày 29/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (Có mặt).

3. Vũ Hồng P; sinh năm 1997; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 23, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn T; sinh năm 1976 và con bà Nguyễn Thị S; sinh năm 1977; hiện trú tại: Xóm 23, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vợ là Đặng Thị M; sinh năm 2002; có 01 con sinh năm 2022; T án: Không; T sự: Ngày 05/8/2021, bị Công an xã Hải Phương xử phạt hành chính với hình thức phạt T về hành vi "đánh nhau". Ngày 01/7/2022, bị Công an huyện Hải Hậu xử phạt hành chính với hình thức phạt T về hành vi "xâm hại sức khỏe của người khác". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2022 đến ngày 29/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (Có mặt).

4. Nguyễn Vũ T; sinh năm 2002; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 17, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Vũ G; sinh năm 1977; con bà: Nguyễn Thị D; sinh năm 1980; hiện cư trú tại: Xóm Xóm 17, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vợ, con: Chưa có; T án: Không; T sự: Ngày 01/7/2022, bị Công an huyện Hải Hậu xử phạt hành chính với hình thức phạt T về hành vi "xâm hại sức khỏe của người khác"; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2022 đến ngày 04/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". (Có mặt).

5. Nguyễn Văn D; sinh năm 1994; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C; sinh năm 1970 (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị C; sinh năm 1975; hiện cư trú tại: Xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vợ, con: Chưa có; T án, T sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2022 đến ngày 04/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D:* Luật sư Nguyễn Trọng H, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Chính pháp Đồng Tâm thuộc Đoàn luật sư Hà Nội.

- *Bị hại:* Anh Trần Đức H; sinh năm 2004; nơi cư trú: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Nguyễn Văn K quản lý 03 nhân viên nữ để đi phục vụ bấm bài tại các quán Karaoke. Khoảng tháng 08/2022, giữa K và anh Trần Đức H thỏa thuận để 03 nhân viên đi làm cho anh Hiệu, Hiệu có trách nhiệm thanh toán số T chi phí trước đó K đã ứng cho 03 nhân viên là 35.000.000đồng. Sau đó, anh Hiệu đưa 3 nhân viên lên xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội để đi làm nhưng do các quán karaoke đóng cửa nên 03 nhân viên nữ bỏ về.

Do không có việc làm, không có T để trả cho K như đã thỏa thuận nên anh Hiệu chủ động chặn mọi liên lạc với K. Vì không liên lạc được, không biết anh Hiệu đang ở đâu, nên K kể sự việc trên cho Vũ Đức H, Nguyễn Vũ T thì được biết H cũng đang tìm Hiệu để đòi nợ số T 7.000.000đồng; K nói với T nếu biết Hiệu ở đâu thì dẫn K đi tìm, T đồng ý và nói có biết chỗ Hiệu đang ở.

Khoảng 15 giờ ngày 28/11/2022, K nhờ Nguyễn Văn D thuê xe tự lái để chở K "đi bắt thằng em ở trên huyện Sóc Sơn về cho gia đình", D đồng ý. Sau đó, D và K đến cửa hàng thuê xe tự lái của anh Nguyễn Văn P ở xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu; thuê xe ôtô nhãn hiệu FORD RANGER sơn màu xanh, biển kiểm soát 29H-340.65. Sau khi thuê được xe, K sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax vỏ màu xám, Imei: 350879901794050, bên trong lắp sim số 0353686555 gọi điện vào chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng đồng, Imei 359479084478695, bên trong lắp sim số 0865.766281 của Nguyễn Vũ T nói: "Anh thuê được xe rồi, dẫn anh lên chỗ Hiệu", T đồng ý và bảo K ra khu vực thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu để đón T và bạn gái là Nguyễn Thanh Trúc.

Sau khi, đón được T và Trúc, trên đường đi lên Thành phố Hà Nội, K gọi điện cho Vũ Đức H nói "Anh biết chỗ thằng Hiệu đang ở nên hôm nay anh lên đấy, em có lên cùng anh bắt nó về để gia đình trả nợ không?" nghĩa là K rủ H đi bắt Hiệu về để ép trả nợ, H đồng ý và cả hai hẹn gặp nhau ở ngã tư gần Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Lúc này, H đang đi cùng Vũ Hồng P nên sau khi nhận lời của K, H kể cho P biết việc Hiệu đang nợ T H và K nhưng không chịu trả, cắt liên lạc; T biết địa chỉ của Hiệu nên đang dẫn mọi người lên bắt Hiệu về để viết giấy nhận nợ, bắt gia đình Hiệu trả nợ thay cho Hiệu. Tiếp đó H nói với P "Anh chở em lên Sóc Sơn đợi mấy thằng, cả thằng T đi lên bắt thằng Bin" (tức là Trần Đức H), P đồng ý và điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Honda CIVIC, sơn màu trắng, biển kiểm soát 61A -713.54 chở H tới ngã tư gần Công an huyện Sóc Sơn thì dừng xe đợi nhóm của T. Trên đường đi K nói với D "Thằng Hiệu nợ T tao trốn, hôm nay tao lên bắt người về để xác nhận nợ và báo cho gia đình trả nợ".

Khi đi đến đối diện Công an huyện Sóc Sơn, thì nhóm của K gặp xe ô tô của H và P đang đợi. T chỉ đường cho D đi trước dẫn đường, còn xe của P chở H đi phía sau. Khi đến trước cửa nhà nghỉ Bình Minh, địa chỉ thôn Phù Mã, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội thì cả nhóm dừng xe. T dẫn D, K, P, H đi bộ vào nơi phòng trọ Hiệu thuê của bà Đỗ Thị Hợi, sinh năm 1947, ở thôn Phù Mã, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cách chỗ đỗ xe khoảng 30m.

Đến nơi cả nhóm thấy phòng của Hiệu bật điện, mở cửa, Hiệu đang nằm trùm chăn ngủ ở giường giữa. Hai bên kê 02 giường và có 02 người đang nằm ngủ gồm Nguyễn Thị Diều và Trương Thị Ngọc Yến; K, P và H đi đến chỗ Hiệu đang nằm còn T đứng sát cạnh cửa phòng trọ cùng D. K dùng tay lật chăn của Hiệu lên và quát to "Mày trốn được mãi không? Mày có thích trốn không?" đồng thời K dùng tay phải tát 02-03 cái vào mặt Hiệu và quát tiếp "Mày ngồi dậy, đi ra đây". Khi Hiệu ngồi dậy mặc áo, K nói "Thôi đi ra ngoài cửa rồi mặc". Sau đó K quàng tay trái ôm vai trái của Hiệu, kéo Hiệu đứng dậy đi ra phía chiếc ôtô nhãn hiệu FORD RANGER, biển kiểm soát 29H - 340.65 đang đỗ. Thấy K khoác vai Hiệu đi ra ngoài nên T và D đứng ở cửa phòng trọ chủ động đi trước ra xe, K và Hiệu đi giữa còn P và H đi sau cùng.

Khi ra đến xe, D lên ngồi ở ghế lái mở chốt cửa xe, T đi vòng sang bên ghế phụ phía sau bên phải mở cửa xe còn H, P, K đứng xung quanh ép Hiệu vào sát cửa xe. Sau khi cửa xe mở, H, P, K dùng hai tay giữ, đẩy Hiệu lên xe, Hiệu giằng lại và hô "Cướp" và định bỏ chạy thì bị P giang tay trái chặn lại; H dùng tay trái giữ Hiệu rồi dùng tay phải tát 01 cái vào mặt và dùng chân phải đá 01 cái theo hướng từ dưới lên trên, mũi giày của H trúng vào miệng của Hiệu; K dùng tay bóp cổ Hiệu và đấm, đá Hiệu; tay phải của T nắm vào tay nắm cửa của xe để lấy lực và dùng tay trái kéo tay phải của Hiệu lên xe. Sau khi T kéo được Hiệu lên xe, K cũng lên xe và dùng tay phải kẹp chặt vào cổ Hiệu không cho Hiệu hét lên. Hiệu tiếp tục phản kháng và hô "Cướp".Thấy vậy K nói "Kéo kính lên không nó nhảy ra khỏi xe".

Sau đó nhóm 04 người gồm T, K ngồi hai bên giữ Hiệu ở ghế sau; Trúc ngồi ghế trước; D điều khiển xe chở K, Hiệu, T, Trúc ra về. Trên đường về, K nói với Hiệu "Về viết giấy xác nhận nợ cho anh rồi báo mẹ trả nợ cho anh hoặc đi làm trả dần cho anh cũng được". T nói "Sao mày ngu thế mày gọi điện khất nợ các anh một vài tháng thì có sao đâu, sao lại đi chặn hết liên lạc với anh ấy", Hiệu hoảng sợ trả lời "Vâng". Sau đó Hiệu gọi điện cho mẹ là bà Bùi Thị Nhung nói "Các anh ấy đang đưa con về, mẹ ơi mẹ trả nợ các anh cho con với sau này con đi làm con trả nợ cho mẹ sau", bà Nhung nói "Mày nợ bao nhiêu cứ về đây tao sẽ trả nợ cho".

Khi về đến khu vực tỉnh Hà Nam, 02 xe dừng lại đổ xăng thì P, K, T, D đều xuống xe, H gặp Hiệu nói: "Về xác nhận nợ cho anh rồi báo nhà trả nợ cho anh", Hiệu trả lời: "Anh đợi em lên em vay anh em trả trước cho anh bảy triệu, còn ba

triệu cho em trả sau", H đồng ý. H bảo T và Trúc đổi sang xe P điều khiển, H sang xe của D điều khiển ngồi cạnh Hiệu cùng với K. H nói với Hiệu "Sao mày lại chặn anh? mày trốn anh làm gì?", Hiệu không nói gì.

Khi đến cầu phao Ninh Cường, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, K hỏi H "Đưa nó về nhà luôn hay sao?" H trả lời "Đưa nó về quán ở chợ Đền viết giấy nợ trước đã", K đồng ý. Tiếp đó K gọi điện thoại cho anh Trần Văn Thiều bảo Thiều lên nhà bạn của K là Nguyễn Văn Đảng ở xã Hải Anh, huyện Hải Hậu đang thuê trọ để gặp nói chuyện, mục đích để cho Thiều chứng kiến việc Hiệu viết giấy biên nhận nợ nhưng không nói ép Hiệu viết giấy nợ.

Khoảng 23 giờ cùng ngày cả nhóm đưa Hiệu về đến nhà. Lúc này ở nhà có Đảng và Vũ Văn Hậu đang chuẩn bị đi làm. K, H đưa Hiệu vào ngồi ở bàn đá ngoài sân sát cửa ra vào thì Đảng và Hậu đi làm. Sau đó, lần lượt T, Trúc, D, P đi vào trong và đứng cạnh H. Khoảng 5 phút sau Thiều đến thì K chỉ Thiều ngồi cạnh Hiệu và nói "Em mày, mày có bảo được không, bây giờ nó viết giấy nhận nợ thì mày ngồi đây".

Sau đó, K đưa cho Hiệu 02 tờ giấy, 01 bút bi K chuẩn bị từ trước và nói "Mày không viết thì không về được đâu". Do đã bị K và nhóm của K đánh từ trước, bắt lên xe đưa về, lo sợ sẽ tiếp tục bị đánh và không được về nên Hiệu đã đồng ý viết theo nội dung K đọc vào 02 tờ giấy, gồm giấy xác nhận nợ số T 35.000.000đồng, cam kết trả nợ và giấy cam kết nội dung Hiệu tự nguyện viết giấy xác nhận nợ, không bị đánh đập, ép buộc gì. Sau khi viết giấy xong, Hiệu đưa lại cho K, K bảo Hiệu không được nói bị đánh đập, đe dọa ép buộc gì mà hoàn toàn tự nguyện đi theo về Nam Định, tự nguyện viết giấy nhận nợ số T 35.000.000đồng, K yêu cầu Hiệu cầm từng tờ giấy ngang ngực, K dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax của K quay 03 đoạn video dùng để xác nhận nợ và cam kết trả nợ.

Sau đó K bảo Thiều đưa Hiệu về. Quá trình bị bắt, anh Hiệu bị K, H đánh sưng nề mắt phải, mạn sườn bên phải, gãy răng cửa bên trái nhưng tự điều trị tại gia đình.

Ngày 29/11/2022, anh Trần Đức H có đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu tố cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Vũ T, Nguyễn Văn D, Vũ Đức H, Vũ Hồng P về hành vi "Bắt giữ người trái pháp luật và Cưỡng đoạt tài sản". Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn K, Nguyễn Vũ T.

Tạm giữ của Nguyễn Văn K: 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax vỏ màu xám, Imei: 350879901794050, bên trong lắp simsố thuê bao 0353686555, đã qua sử dụng; 02 tờ giấy ô ly gồm: 01 giấy xác nhận nợ và 01bản cam kết.

Tạm giữ của Nguyễn Vũ T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng đồng, Imei 359479084478695, bên trong lắp sim số 0865.766281, đã qua sử dụng.

Biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên ngày 30/11/2022 Nguyễn Văn D và ngày 20/12/2022, Vũ Đức H, Vũ Hồng P đến Công an huyện Hải Hậu đầu thú. Vũ Đức H tự giác giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen, Imei 357698101823045, bên trong lắp số sim 0816.792.233, đã qua sử dụng; Vũ Hồng P tự giác giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CIVIC sơn màu trắng, số khung: MRHFC6630KT030369, số máy R18Z16852672, biển kiểm soát 61A -713.54, đã qua sử dụng.

Nguyễn Văn K, Nguyễn Vũ T, Nguyễn Văn D, Vũ Đức H, Vũ Hồng P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 408/22/TgT ngày 29/12/2022 của Trung tâm giám Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh Trần Đức H là 2% (Hai phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương bầm tím và gãy răng do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn K còn khai nhận: Từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022, K đã cho nhiều người vay T với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

- Do có mối quan hệ quen biết và cần T để làm ăn, ngày 01/3/2022 anh Bùi Văn Nguyện, sinh năm 1996, trú tại xóm 19, xã Hải Đường, huyện Hải Hậu đến nhà Nguyễn Văn K hỏi vay số T 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), K đồng ý cho anh Nguyện vay T với lãi xuất 5.000 đồng/01triệu/01 ngày (tương đương 180% năm) và không cần thế chấp, hai bên thỏa thuận khi nào anh Nguyện có thì trả T gốc cho K; về lãi suất, anh Nguyện có trách nhiệm thanh toán cho K vào ngày cuối cùng của tháng. Đến ngày 26/4/2022, anh Nguyện trả cho K tổng số T lãi của 56 ngày, tương đương 2.800.000đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng). Như vậy, lãi suất K cho anh Nguyện vay vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 9 lần. Anh Nguyện đã phải trả số T lãi là 2.800.000đồng, số T lãi được thu theo quy định là (10.000.000 đ x 20%):12 tháng x1,86 tháng = 310.000đồng. Số T thu lợi bất chính là 2.800.000đồng - 310.000đồng = 2.490.000đồng.

Ngày 26/4/2022, anh Nguyện vay thêm của K 15.000.000đồng (Mười năm triệu đồng) với lãi suất 5.000đồng/01 triệu/01 ngày. Hàng tháng anh Nguyện sử dụng số tài khoản 12210001004395 của anh Nguyện, mở tại ngân hàng BIDV chuyển T lãi vào số tài khoản 0353.686.555 của K mở tại ngân hàng MB Bank.

Tính đến ngày 20/11/2022, số T lãi anh Nguyện phải trả cho K là 26.125.000đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm hai năm nghìn đồng), tương đương với 209 ngày. Ngày 29/11/2022 Nguyễn Văn K bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu bắt giữ. Do chưa đến ngày cuối tháng nên anh Nguyện đã trả số T lãi cho K là 22.825.000đồng (Hai mươi hai triệu, tám trăm hai năm nghìn đồng), anh Nguyện còn nợ K số T lãi là 3.300.000đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng). Như vậy, lãi suất K cho anh Nguyện vay vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 9 lần. Anh Nguyện đã phải trả số T lãi là 26.125.000đồng, số T lãi được thu theo quy định là (25.000.000 đồng x 20%):12 thángx 6,96 tháng= 2.900.000đồng. Số T thu lợi bất chính là 26.125.000 đồng- 2.900.000đồng= 23.225.000đồng. Anh Nguyện còn nợ lãi 3.300.000 đồng và số T gốc chưa trả cho K.

- Do có mối quan hệ là người cùng xã và cần T để làm ăn, ngày 28/5/2022, anh Phạm Phương D, sinh năm 1996, trú tại xóm 9, xã Hải Đường, huyện Hải Hậu đến nhà Nguyễn Văn K hỏi vay số T 15.000.000 đồng, K đồng ý cho anh D vay T với lãi suất là 5.000đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 180%/năm)và yêu cầu phải thế chấp tài sản. Anh D đồng ý và đưa cho K 01 xe máy nhãn hiệu LYBETY PIAGGIO, biển kiểm soát 18H1- 591.23 cùng 01 đăng ký xe của anh D. K đưa cho anh D một giấy mẫu vay T, anh D viết giấy vay Tnhưng không ghi lãi suất, đưa cho K thì K cho vay số T 15.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào anh D có T thì trả lại T gốc cho D; về lãi suất, hàng tháng anh D có trách nhiệm thanh toán cho K vào ngày cuối của tháng. Do không có T trả lãi cho K nên ngày 15/8/2022, K thông báo cho anh D sẽ bán chiếc xe máy nhãn hiệu LYBETY PIAGGIO, biển kiểm soát 18H1- 591.23 của anh D để trừ T gốc và T lãi, anh D đồng ý. Sau đó, K đã bán chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Văn Cường,sinh năm 1981, trú tại xóm 19, xã Hải Đường với giá 21.000.000đồng. Tính đến ngày 15/8/2022, số T lãi anh D phải trả cho K là 5.925.000đồng, tương đương với 79 ngày.Như vậy, lãi suất K cho anh D vay vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 9 lần. Anh D đã phải trả số T lãi là 5.925.000đồng, số T lãi được thu theo quy định là (15.000.000 đồng x 20%):12 tháng x 2,63 tháng = 657.500 đồng. Số T thu lợi bất chính là 5.925.000 đồng - 657.500đồng = 5.267.500đồng.

- Do cần T để làm ăn, ngày 04/7/2022 anh Nguyễn Ngọc Linh, sinh năm 1999, trú tại xóm 19, xã Hải Đường, huyện Hải Hậu đến nhà Nguyễn Văn K hỏi vay số T 10.000.000đồng, K đồng ý cho anh Linh vay T với lãi suất 5.000đồng/01triệu/01 ngày (tương đương 180%/ năm) và không cần thế chấp. K đưa cho anh Linh một mẫu giấy vay T, anh Linh viết giấy vay T nhưng không ghi lãi suất đưa lại cho K, K đưa cho anh Linh số T 10.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào anh Linh có T thì trả số T gốc cho K.Về lãi suất, anh Linh có trách

nhiệm thanh toán cho K vào ngày cuối cùng của tháng. Đến hẹn hàng tháng, anh Linh sử dụng số tài khoản 0570198068127 của anh Linh mở tại ngân hàng MB Bank chuyển số T lãi là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) vào số tài khoản 0353.686.555 của K mở tại ngân hàng MB Bank. Đến ngày 04/10/2022, anh Linh đã thanh toán cho K số T lãi là 4.500.000đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, lãi suất K cho anh Linh vay vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sựlà 9 lần. Anh Linh đã phải trả số T lãi là 4.500.000đồng, số T lãi được thu theo quy định là (10.000.000 đồng x 20%):12 tháng x 3 tháng = 500.000 đồng. Số T thu lợi bất chính là 4.500.000 đồng- 500.000 đồng= 4.000.000đồng. T lãi từ tháng 11/2022 và số T gốc đến nay do chưa có T nên anh Linh chưa trả cho K.

- Do có mối quan hệ quen biết xã hội và cần T để làm ăn, ngày 01/8/2022 anh Nguyễn Công H, sinh năm 2005, trú tại xóm 8, xã Hải Phong, huyện Hải Hậu đến nhà Nguyễn Văn K hỏi vay số T 5.000.000đồng, K đồng ý cho anh H vay T với lãi xuất 3.000đồng/01triệu/01 ngày (tương đương 108%/năm) và không cần thế chấp. K đưa cho anh H một giấy mẫu vay T, anh H viết giấy vay T nhưng không ghi lãi suất.Sau khi anh H viết giấy, K đưa cho anh H số T 5.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào anh H có thì trả số T gốc cho K.Về lãi suất, hàng tháng anh H có trách nhiệm thanh toán cho K vào ngày cuối cùng của tháng. Do không có T trả lãi nên ngày 01/10/2022, K đến nhà anh H đòi nợ thì được bà Nguyễn Thị Ngoãn, sinh năm 1984, trú tại xóm 8, xã Hải Phong (là mẹ anh H) trả cho cả số T gốc 5.000.000 đồng và T lãi 02 tháng là 900.000đồng. Như vậy, lãi suất K cho anh H vay vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 5,4 lần. Anh H đã phải trả số T lãi là 900.000đồng, số T lãi được thu theo quy định là (5.000.000 đồng x 20%):12 tháng x 2 tháng = 166.600 đồng. Số T thu lợi bất chính là 900.000 đồng- 166.600 đồng= 733.400đồng.

Tổng số T Nguyễn Văn K đã thu lợi bất chính khi cho anh Nguyện, anh D, anh Linh và anh H vay T là (25.715.000 + 5.267.500 + 4.000.000 + 733.400) = 35.715.900 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 22-6-2023 của Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS đối với Nguyễn Văn K về tội " Bắt người trái pháp luật". Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58; BLHS đối với Nguyễn Văn K về tội " Cưỡng đoạt tài sản". Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS về tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt Nguyễn Văn K 18 tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật"; Xử phạt Nguyễn Văn K 30 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và xử phạt Nguyễn Văn K 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trọng giao dịch dân sự". Căn cứ Điều 55 BLHS chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù và tổng hợp hình phạt của 3 tội buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung cho cả 3 tội là 54 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2022.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Vũ Đức H, Nguyễn Vũ T, Nguyễn Văn D, Vũ Hồng P về tội " Bắt người trái pháp luật"; căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS đối với bị cáo Vũ Đức H, Nguyễn Vũ T, Nguyễn Văn D, Vũ Hồng P về tội " Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt Vũ Đức H 15 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật, 18 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung là 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2022 đến ngày 29/12/2022.

Xử phạt Vũ Hồng P 8 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật, 13 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung là 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2022 đến ngày 29/12/2022.

Xử phạt Nguyễn Vũ T 8 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật, 13 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2022 đến ngày 04/01/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 6 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật, 12 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2022 đến ngày 04/01/2023.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27/6/2023, Vũ Đức H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 02/7/2023, Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 04/7/2023, Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 19/9/2023 bị cáo Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo bổ sung với lý do cấp sơ thẩm tuyên 18 tháng tù giam đối với bị cáo là quá nặng không tương xứng với hành vi phạm tội. Mặt khác đối với tội cưỡng đoạt bị cáo không tham gia bất kỳ hành vi nào, từ bàn bạc, thực hiện, hoặc các hành vi khác để tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện phạm tội, nên bị cáo thấy oan ức khi cơ quan điều tra, truy tố xét xử bị cáo với tội danh này, đề nghị cấp phúc thẩm minh oan cho bị cáo về tội cưỡng đoạt tài sản và giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo về tội bắt người trái pháp luật.

- Ngày 05/7/2023, Nguyễn Vũ T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương.

- Ngày 05/7/2023 Vũ Hồng P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại Pên toà phúc thẩm:

- Bị cáo K giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố bị cáo tham gia chiến trường Cam pu chia đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về xã hội.

Bị cáo H, giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày bị cáo đang nuôi con nhỏ và bị cáo đang điều trị tại bệnh viện Bạch Mai Hà Nội về hội chứng thận hư đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo P, giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố mẹ bị cáo là người cao tuổi xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo D thay đổi kháng cáo với nội dung bị cáo xác nhận cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội bắt người trái pháp luật là đúng người, đúng tội xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo ở với ông bà, bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ, trong thời gian được tại ngoại bị cáo đã có cơi trầu với bạn gái. Đối với tội cưỡng đoạt tài sản đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo.

Bị cáo T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và rút nội dung kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D trình bày: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo D về tội cưỡng đoạt tài sản không có căn cứ bởi lẽ: Bị cáo D không được bàn bạc việc ép anh Hiệu viết giấy vay nợ và không có lời nói ép anh Hiệu viết

giấy vay nợ; bị cáo làm nghề lái xe bị cáo chỉ biết chở K lên Sóc Sơn, không biết lên Sóc Sơn bị cáo K làm gì, bị cáo không được hưởng lợi gì; các bị cáo có mặt tại Pên tòa đều trình bày không có việc bàn bạc bắt anh Hiệu ép giấy vay nợ. Khi bị cáo K ép anh Hiệu viết giấy vay nợ bị cáo D không có mặt. Do vậy, hành vi của bị cáo D không đủ yếu tố cấu thành tội cưỡng đoạt tài sản đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với tội bắt người trái pháp luật: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo D về tội bắt người trái pháp luật là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng; tuy nhiên cấp sơ thẩm còn bỏ sót tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo D là: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội tự thú, gia đình có công với cách mạng quy định tại điểm i, r,x khoản 1 Điều 51 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và hưởng án treo. Trường hợp Hội đồng xét xử cho rằng bị cáo D vẫn phạm tội bắt người trái pháp luật và phạm tội cưỡng đoạt tài sản đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo đượccải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận về vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo K, bị cáo H, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo D về các tội danh là đúng người, đúng tội. Tại Pên tòa phúc thẩm, bị cáo K xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo K được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo có nhân thân tốt tuy nhiên cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt đối với bị cáo K về tội bắt người trái pháp luật và tội cưỡng đoạt tài sản là nghiêm khắc, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo về hai tội này. Cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo H, P, T, D, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo đã quyết định mức hình phạt là phù hợp; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo K, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo K từ 2 đến 3 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật và giảm từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản; giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo H, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo D. Án phí hình sự phúc thẩm giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn K, Vũ Đức H, Vũ Hồng P, Nguyễn Vũ T; Nguyễn Văn D làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[3] Tại Pên tòa bị cáo D thay đổi kháng cáo, bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội bắt người trái pháp luật là đúng người, đúng tội không oan; còn đối với tội cưỡng đoạt tài sản bị cáo không tham gia bất kỳ hành vi nào, từ bàn bạc, thực hiện, hoặc các hành vi khác để tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo. Xét thấy việc thay đổi kháng cáo của bị cáo D đối với tội cưỡng đoạt tài sản phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 342 BLTTHS nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Tại Pên tòa phúc thẩm, bị cáo T rút nội dung kháng cáo xin cải tạo tại địa phương nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[5.1] Đối với kháng cáo của bị cáo D về tội cưỡng đoạt tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản tường trình của bị cáo Nguyễn Văn D tại cơ quan điều tra bút lục số 280; 282, 292 bị cáo D đều khai: " Trên đường đi K nói với D " Thằng Hiệu nợ T tao trốn, hôm nay tao lên bắt người về để xác nhận nợ và báo cho gia đình trả nợ, thằng này nó chơi đồ nó ngáo có thì vào hỗ trợ đưa nó về giúp bạn, D đồng ý". Tại các bút lục số 286, 287, 291, 293, 299 bị cáo D khai: "Mục đích của tôi và đồng bọn đi bắt Hiệu từ Hà Nội đưa về quê là để ép Hiệu viết giấy nhận nợ của K số T 35 triệu đồng để gia đình Hiệu trả nợ cho K". Tại bút lục 294, 300, bị cáo D khai " Nếu Hiệu không nghe lời viết giấy nhận nợ và cam kết theo nội dung của K đọc thì chắc chắn mọi người sẽ đánh Hiệu và ép Hiệu phải thực hiện theo yêu cầu của mọi người". Căn cứ vào lời khai của bị cáo K, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo H, lời khai của chị Nguyễn Thanh Trúc, lời khai của bị cáo D tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác lưu hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khi D lái xe chở K, H, anh Hiệu về nhà trọ ở xóm 14 xã Hải Anh, Hải Hậu, tại thời điểm đó bị cáo D đã biết mục đích của các bị cáo khác là đi bắt anh Hiệu từ Hà Nội đưa về quê để ép anh Hiệu viết giấy nhận nợ của K số T 35 triệu đồng để gia đình anh Hiệu trả nợ cho K. Như vậy, hành vi của bị cáo D được xác định là đồng phạm giúp sức

cho các bị cáo khác trong việc thực hiện hành vi phạm tội bắt người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản. Do vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội cưỡng đoạt tài sản là đúng người đúng tội không oan, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo D.

[5.2] Tại Pên tòa phúc thẩm, bị cáo K, bị cáo H, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo D đều khai nhận đã phạm tội bắt người trái pháp luật; các bị cáo K, bị cáo H, bị cáo P, bị cáo T đều xác nhận đã phạm tội cưỡng đoạt tài sản; căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác lưu hồ sơ vụ án; cấp sơ thẩm xét xử bị cáo K, bị cáo H, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo D về tội bắt người trái pháp luật và tội cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170 BLHS là đúng người, đúng tội.

[5.3] Tại Pên tòa phúc thẩm, bị cáo K khai nhận, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022, đã cho các anh Bùi Văn Nguyện, Nguyễn Ngọc Linh, Phạm Phương D và Nguyễn Công H vay tổng số T 55.000.000 đồng với lãi suất gấp 5 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, để thu lợi bất chính số T 35.715.900 đồng. Do vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo K; bị cáo H, bị cáo T, bị cáo P, bị cáo D thấy rằng:

[6.1] Tại Pên tòa phúc thẩm, bị cáo K có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo K được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo có nhân thân tốt, tuy nhiên cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt đối với bị cáo K về tội bắt người trái pháp luật và tội cưỡng đoạt tài sản là nghiêm khắc nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo về hai tội này là thể hiện sự kH hồng của pháp luật.

[6.2] Tại Pên tòa, người bào chữa cho bị cáo D đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo D theo điểm i, r,x khoản 1 Điều 51 BLHS cụ thể là bị cáo D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội tự thú; người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng con liệt sỹ. Xét thấy, ngày 29/11/2022 anh Hiệu có đơn trình báo gửi Công an huyện Hải Hậu về hành vi phạm tội của các bị cáo, đây là thời điểm phát hiện tội phạm, nhưng đến ngày 30/11/2022 bị cáo D mới ra cơ quan Công an trình báo do vậy được xác định là đầu thú; do hành vi phạm tội của bị cáo D cấu thành 02 tội bắt người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản nên không thuộc trường hợp ít

nghiêm trọng; bị cáo D có ông ngoại được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất nên đây không thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS là người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng con liệt sỹ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ mà người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo D.

[6.3] Tại Pên tòa bị cáo H, xuất trình đơn đề nghị trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, tuy nhiên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo quyết định mức hình phạt về 02 tội là phù hợp nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

[6.4] Đối với các bị cáo bị cáo P, bị cáo T, bị cáo D cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đã quyết định mức hình phạt đối với bị cáo P, bị cáo T về các tội bắt người trái pháp luật, tội cưỡng đoạt tài sản là phù hợp nên cấp phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo P và bị cáo T. Đối với bị cáo D chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với tội bắt người trái pháp luật; bị cáo D không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với tội cưỡng đạt tài sản. Tuy nhiên bị cáo D chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương nên Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên về cả 2 tội đối với bị cáo D.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo K không phải nộp; các bị cáo H, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS. Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K và không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Vũ Đức H, Vũ Hồng P, Nguyễn Vũ T và Nguyễn Văn D.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm các tội: “ Bắt người trái pháp luật’’; “Cưỡng đoạt tài sản’’ và phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự’’.

2. Tuyên bố các bị cáo: Vũ Đức H, Nguyễn Vũ T, Vũ Hồng P, Nguyễn Văn D phạm các tội: " Bắt người trái pháp luật'' và phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản''.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 BLHS đối với tội '' Bắt người trái pháp luật''; khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản"; khoản 1 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS về tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự''

Xử phạt Nguyễn Văn K 15 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật; xử phạt Nguyễn Văn K 21 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản; xử phạt Nguyễn Văn K 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Căn cứ Điều 55 BLHS chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù theo tỷ lệ ba ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành một ngày tù thì 18 tháng cải tạo không giam giữ bằng 6 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của ba tội, buộc Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung là 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/11/2022.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 BLHS; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 , Điều 58 BLHS.

Xử phạt Vũ Đức H 15 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật; xử phạt Vũ Đức H 18 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Vũ Đức H phải chấp hành phạt chung là 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/12/2022 đến 29/12/2022.

Xử phạt Vũ Hồng P 8 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật; xử phạt Vũ Hồng P 13 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Vũ Hồng P phải chấp hành hình phạt chung là 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/12/2022 đến 29/12/2022.

Xử phạt Nguyễn Vũ T 8 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật; xử phạt Nguyễn Vũ T 13 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Nguyễn Vũ T phải chấp hành hình phạt chung là 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2022 đến 04/01/2023.

Xử phạt Nguyễn Văn D 6 tháng tù về tội bắt người trái pháp luật; xử phạt Nguyễn Văn D 12 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Căn cứ Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội, Nguyễn Văn D phải chấp hành hình phạt chung là 18

tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2022 đến 04/01/2023.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo K không phải nộp; các bị cáo H, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người bị thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND,VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi Cục THADS huyện Hải Hậu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Thu